

Bản án số: **242/2025/DS-ST**

Ngày: 12-9-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Chánh
- Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 492/2025/TLST-DS ngày 12/5/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2025/QĐXXST-DS ngày 31/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 661/2025/QĐST-DS ngày 22/8/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1955.

Địa chỉ: G T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Văn H, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: H N, Phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Mai Thành L, sinh năm 1975

Địa chỉ: A C, khu phố C, phường T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông H có mặt; ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D và người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn H trình bày:

Ngày 03/7/2021, ông Mai Thành L có thỏa thuận vay tiền của ông Nguyễn Ngọc D số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn là 06 tháng, kể từ ngày nhận được tiền, lãi suất vay là 1%/tháng, ông D sẽ chuyển tiền cho ông L làm 02 lần cách

nhau hai tuần kể từ ngày 5/7/2021. Phương thức trả nợ lần 1 là 300.000.000 đồng tiền gốc và lãi vào ngày 4/9/2021; lần 2: 300.000.000 đồng và lãi suất vào ngày 4/1/2022. Hai bên có lập “Giấy vay tiền”.

Sau khi ký kết Giấy vay tiền, ngày 6/7/2021 ông Nguyễn Ngọc D đã chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản số 050120440990 Ngân hàng S chi nhánh Đ của ông Mai Thành L là chủ tài khoản theo như thỏa thuận. Tiếp đó, đến ngày chuyển tiền cho vay 300.000.000 đồng lần 2, ông D không có tiền nên ông không chuyển cho ông L.

Theo như thỏa thuận, đến ngày 4/9/2021, ông L có nghĩa vụ trả lại cho ông D tiền gốc là 300.000.000 đồng và lãi suất 02 tháng là 6.000.000 đồng, nhưng ông L không trả cho ông D. Ông D đã yêu cầu ông L trả nợ, nhưng đến nay không trả nợ gốc và lãi nên ông D đã khởi kiện ông L như sau:

1. Tiền nợ gốc: 300.000.000 đồng.
2. Tiền lãi trong hạn 02 tháng (từ ngày 6/7/2021-5/9/2021): $300.000.000đ \times 1\%/tháng \times 02 \text{ tháng} = 6.000.000 \text{ đồng}$.
3. Tiền lãi suất chậm trả 1,5%/tháng tạm tính từ ngày 6/9/2021 đến ngày 6/12/2024 (39 tháng): $300.000.000đ \times 1,5\% \times 39 \text{ tháng} = 175.500.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: 300.000.000 đồng + 6.000.000 đồng + 175.500.000 đồng = 481.500.000đ (bốn trăm tám mươi triệu năm trăm ngàn đồng). Ngoài ra ông D còn yêu cầu ông L phải trả tiền lãi chậm trả cho đến ngày ông D nhận được tiền.

Tại phiên tòa ông Trần Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi như sau: Yêu cầu ông Mai Thành L trả lãi trong hạn 06 tháng từ ngày 06/7/2021 đến ngày 06/01/2022 = 18.000.000 đồng, trả lãi quá hạn từ ngày 07/01/2022 đến ngày 12/9/2025 làm tròn thành 44 tháng với lãi suất 1%/tháng là 3.000.000 đồng x 44 tháng = 132.000.000 đồng.

Như vậy ông Nguyễn Ngọc D yêu cầu ông Mai Thành L thanh toán số tiền: nợ gốc 300.000.000 đồng, lãi trong hạn 18.000.000 đồng, lãi quá hạn 132.000.000 đồng; tổng cộng là 450.000.000 đồng.

Bị đơn ông Mai Thành L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông L đều vắng mặt và không có lời khai, ý kiến trình bày.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I - Đồng Nai tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Mai Thành L không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D là có cơ sở, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D, buộc ông Mai Thành L phải trả cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền nợ gốc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), lãi trong hạn 18.000.000 đồng, lãi quá hạn 132.000.000 đồng; tổng cộng là 450.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Mai Thành L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ từ quan hệ vay mượn tiền giữa hai bên, nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Mai Thành L có địa chỉ tại phường T, tỉnh Đồng Nai; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về giao dịch hợp đồng vay tài sản:

Ông Nguyễn Ngọc D khởi kiện yêu cầu ông Mai Thành L phải trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông D giao nộp cho Tòa án Giấy vay tiền đề ngày 03/7/2021, trong giấy này thể hiện ông Nguyễn Ngọc D cho ông Mai Thành L vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền, lãi suất là 1%/tháng kể từ ngày nhận được tiền vay.

Qua xem xét lời trình bày của ông D và tài liệu sao kê do Ngân hàng TMCP Đ1 và Ngân hàng TMCP S1 cung cấp thể hiện vào ngày 6/7/2021 ông Nguyễn Ngọc D đã chuyển khoản cho ông Mai Thành L số tiền là 300.000.000 đồng vào tài khoản số 050120440990 Ngân hàng S chi nhánh Đ của ông Mai Thành L là chủ tài khoản.

Đối với số tiền vay 300.000.000 đồng còn lại, ông D trình bày là ông D không giao cho ông L.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình có nghĩa vụ phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Mai Thành L đến Tòa án làm việc, tham phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông L đều vắng mặt. Việc vắng mặt của ông L là không tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Như vậy, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, Tòa án thu thập trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để xem xét, giải quyết vụ án.

Qua xem xét tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở xác định ông Mai Thành L có vay của ông Nguyễn Ngọc D số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) nợ gốc là có thật và xác định đây là hợp đồng có kỳ hạn và có lãi cụ thể như sau: khoản vay 300.000.000 đồng thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 06/7/2021 đến ngày 06/01/2022 và có lãi, với lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng.

[2.2] Xét yêu cầu thanh toán nợ của nguyên đơn:

[2.2.1] Về tiền nợ gốc:

Như đã nhận định, ông Mai Thành L vay của ông Nguyễn Ngọc D số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) nợ gốc là có thật và xác định ông L chưa thanh toán khoản nợ gốc và lãi nào cho ông D.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về việc buộc ông Mai Thành L phải trả cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng.

[2.2.2] Về lãi:

Như đã nhận định khoản vay 300.000.000 đồng thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 06/7/2021 đến ngày 06/01/2022 và có lãi, với lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng kể từ 06/7/2021.

Tiền lãi được tính như sau:

- Tiền lãi trong hạn từ ngày 06/7/2021 đến ngày 06/01/2022: 300.000.000 đồng x 06 tháng x 1% = 18.000.000 đồng.

- Tiền lãi quá hạn: theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự thì lãi suất quá hạn chưa trả bằng 150% cho vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, như vậy lãi quá hạn trong giao dịch vay giữa ông D và ông L là 1,5%/tháng (4.500.000 đồng) từ ngày 07/01/2022 đến ngày 07/9/2025 là 44 tháng 03 ngày. Tại phiên tòa phía nguyên đơn thay đổi yêu cầu về lãi quá hạn, chỉ yêu cầu lãi quá hạn bằng lãi trong hạn là 1%/tháng (3.000.000 đồng/tháng) và làm tròn thành 44 tháng lãi quá hạn với số tiền lãi quá hạn là 132.000.000 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu lãi của nguyên đơn, buộc ông Mai Thành L phải trả cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền lãi là: lãi trong hạn 18.000.000 đồng, lãi quá hạn 132.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Mai Thành L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D được chấp nhận.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Mai Thành L.

Buộc ông Mai Thành L phải trả cho ông Nguyễn Ngọc D số tiền 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng); trong đó nợ gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), lãi trong hạn là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), lãi quá hạn là 132.000.000đ (một trăm ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Mai Thành L phải chịu 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND KV1-ĐN;
- Phòng THADS KV1-ĐN;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Chánh

Thiều Thị Phi Loan

Phạm Ngọc Quyền

